

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 515 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Văn Năm**

2/ Ông **Huỳnh Văn Tới**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thêu** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 22 và ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1983.

- *Bị đơn:* Anh **Văn Bạc B**, sinh năm 1981.

Cùng cư trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị V** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Văn B1 Bạ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Văn Hào V1, sinh ngày 15/01/2005 (giới tính: Nam) và Văn Xuân T, sinh ngày 25/3/2014 (giới tính: Nữ).

Khi ly hôn, chị yêu cầu xem xét nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

- Đối với bị đơn anh **Văn Bạc B**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu V1 có nguyện vọng được sống chung với anh B, còn cháu T nguyện vọng được sống chung với chị V.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, còn nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị V và anh B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Quá trình chung sống, chị V và anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên chị V mới nộp đơn ly hôn. Đối với anh B có mặt tại phiên tòa ngày 22/12/2022 và cho rằng vẫn còn thương vợ, không chịu ly hôn với chị V. Tuy nhiên, sau đó phiên tòa ngừng lại để Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu V1, tại phiên tòa hôm nay ngày 30/12/2022 anh B vắng mặt và anh B vẫn không có biện pháp nào hữu hiệu để thuyết phục chị V trở về sống chung với anh B; còn chị V nộp đơn xin xét xử vắng mặt phiên tòa ngày hôm nay và chị V vẫn kiên quyết ly hôn với anh B.

[2.3] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[2.4] Xét, mâu thuẫn giữa chị V và anh B đã thật sự trầm trọng, không thể hàn

gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận, từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.5] Về con chung: Chị V và anh B có 02 người con chung tên Văn Hào V1, sinh ngày 15/01/2005 (giới tính: Nam) và Văn Xuân T, sinh ngày 25/3/2014 (giới tính: Nữ). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu V1 có nguyện vọng được sống chung với anh B, còn cháu T nguyện vọng được sống chung với chị V. Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và tôn trọng nguyện vọng của các cháu, nên giao cháu V1 cho anh B và giao cháu T chị V, trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.6] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Buộc chị V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 5517 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 19, 51, 56, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Văn Bạc B.

2/ Về con chung: Giao cháu Văn Hào V1, sinh ngày 15/01/2005 (giới tính: Nam) cho anh Văn B1 B và giao cháu Văn Xuân T, sinh ngày 25/3/2014 (giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị V, được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ

quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật”.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 5517 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang